



ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH E-LEARNING Ở VIỆT NAM

BUI THỊ TUYẾT NGÂN, TRẦN MAI ĐÔNG

E-learning hay ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo đã tạo nên tiếng vang trong ngành giáo dục toàn cầu và ngày nay E-learning đáp ứng nhu cầu học tập hiện đại của người học. Trong những năm gần đây, nhiều cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đã triển khai mô hình ứng dụng E-learning hỗ trợ dạy và học, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay, mô hình ứng dụng E-learning vẫn chưa được thiết kế một cách tổng thể và đồng nhất mà chỉ được các cơ sở giáo dục đại học triển khai riêng biệt. Quy trình kiểm định các chương trình đào tạo qua hệ thống E-learning cũng chưa được xây dựng để đảm bảo chất lượng về nội dung và khả năng tương tác. Bài viết đề xuất chính sách phát triển mô hình E-learning cho bậc đào tạo đại học và thảo luận quá trình thực hiện chính sách này nhằm đảm bảo chất lượng và tính nhất quán cho các khóa học E-learning.

Từ khóa: E-learning, cơ sở giáo dục đại học, công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy

RECOMMENDING POLICIES TO DEVELOP E-LEARNING MODEL IN VIETNAM

Bui Thi Tuyet Ngan, Tran Mai Dong

E-learning or application of information technology in training has made a breakthrough in the global education industry and has met diversified demand of learners. In recent years, many Vietnamese higher education institutions have applied the E-learning model and made a reform to their teaching and learning activities. However, at present, the E-learning application model has not been designed comprehensively and consistently and limited to deployment at separate institutions. The E-learning accreditation system has not been developed to ensure the quality of teaching and interaction. The paper presents policy recommendations to develop an E-learning model for higher education and discuss the implementation of this policy to ensure the performance and consistency of E-learning courses.

Keywords: E-learning, higher education institutions, information technology, teaching methods

Ngày nhận bài: 7/4/2020

Ngày hoàn thiện biên tập: 4/5/2020

Ngày duyệt đăng: 11/5/2020

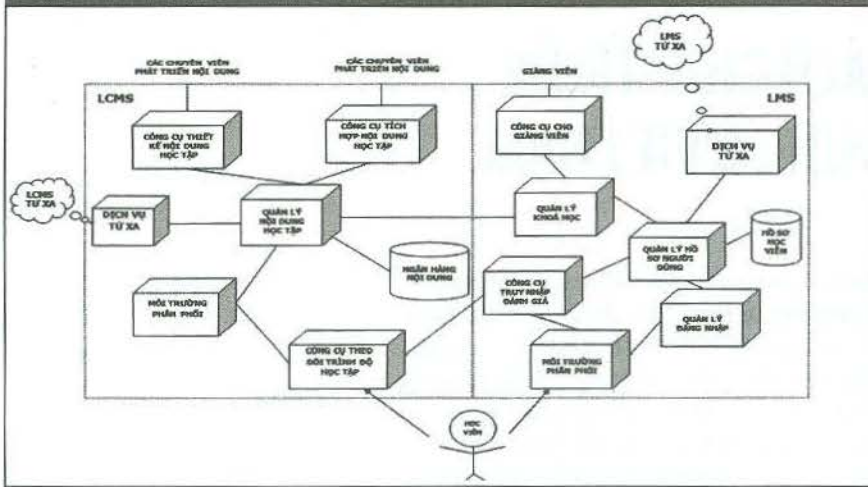
Giới thiệu về E-learning

Khái niệm E-learning

Đào tạo trực tuyến hay còn gọi là E-learning là việc sử dụng công nghệ thông tin và máy tính trong học tập (Horton et al., 2006). Hiện nay, có nhiều cách hiểu về E-learning. Theo nghĩa rộng, E-learning là thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin. Theo quan điểm hiện đại, E-learning là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công cụ điện tử như máy tính, mạng internet, mạng vệ tinh, Intranet... Thông qua đó, người dạy và người học có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: E-mail, hội thảo trực tuyến, diễn đàn, hội thảo video (Trịnh Văn Biểu, 2012).

Theo Luskin et al. (2010), “e” trong thuật ngữ E-learning được hiểu là “exciting, energetic, enthusiastic, emotional, extended, excellent, và educational”, nghĩa là “học tập thú vị, năng động, nhiệt tình, cảm xúc, mở rộng, tuyệt vời và có giáo dục. Có hai hình thức giao tiếp giữa người dạy và người học: giao tiếp đồng bộ và giao tiếp không đồng bộ. Giao tiếp đồng bộ là hình thức giao tiếp trong đó có nhiều người truy cập mạng tại cùng một thời điểm và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau như: thảo luận trực tuyến, hội thảo video. Giao tiếp không đồng bộ là hình thức người giao tiếp không nhất thiết phải truy cập mạng tại cùng một thời điểm, ví dụ như: Các khóa tự học qua internet, email, diễn đàn. Đặc trưng của

HÌNH 1: MÔ HÌNH CHỨC NĂNG TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG E-LEARNING



Nguồn: Nguyễn Minh Tuấn và ctv., (2010)

kiểu học này là giảng viên phải chuẩn bị tài liệu khóa học trước khi khóa học diễn ra. Học viên được tự chọn lựa thời gian tham gia khóa học (Vũ Thị Hạnh, 2013).

Mô hình hệ thống E-learning

Theo ADL – một tổ chức chuyên nghiên cứu và khuyến khích việc phát triển và phân phối học liệu sử dụng công nghệ mới, đã công bố các tiêu chuẩn cho SCORM (Mô hình chuẩn đơn vị nội dung chia sẻ) mô tả tổng quát chức năng của một hệ thống E-learning bao gồm:

- *Hệ thống quản lý học tập (LMS):* Cho phép người quản trị hệ thống tạo ra công dịch vụ đào tạo trực tuyến có nhiệm vụ quản lý các khóa học trực tuyến, quản lý quá trình tự học, tự bồi dưỡng, quản lý việc phân phối, tìm kiếm nội dung học tập và học liệu (quản lý tài nguyên), quản lý học viên, giảng viên/hướng dẫn viên hoặc người quản trị khóa học, quản lý bài kiểm tra, quá trình tự kiểm tra, tự đánh giá của học viên, quản lý quá trình trao đổi, thảo luận trên diễn đàn, e-mail, trao đổi tin nhắn điện tử, lịch học của học viên.

- *Hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS):* LCMS là một môi trường đa người dùng, ở đó các nhà giáo dục, quản trị khóa học có thể tạo ra, lưu trữ, sử dụng lại, chỉnh sửa, quản lý và phân phối nội dung học tập của các khóa học. LCMS quản lý các quá trình tạo ra và phân phối học liệu.

Tình hình phát triển và ứng dụng E-learning trên thế giới và tại Việt Nam

Trên thế giới

E-learning phát triển không đồng đều tại các khu vực trên thế giới. E-learning phát triển mạnh nhất ở

khu vực Bắc Mỹ. Ở châu Âu, E-learning có rất nhiều triển vọng phát triển, trong khi đó châu Á lại là khu vực ứng dụng công nghệ này ít hơn. Tại Mỹ, dạy và học điện tử đã nhận được ủng hộ và các chính sách trợ giúp của Chính phủ ngay từ cuối những năm 1990, có khoảng 80% trường đại học sử dụng phương pháp đào tạo trực tuyến, với khoảng 35% các chứng chỉ trực tuyến được công nhận. E-learning không chỉ được triển khai ở các trường đại học mà ngay tại các công ty việc xây dựng và

triển khai E-learning cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Năm 2017, 72% một số tổ chức tại Mỹ cho rằng, E-learning mang đến cho họ khá nhiều lợi ích mang tính cạnh. Do thị trường rộng lớn và sức thu hút mạnh mẽ của E-learning nên hàng loạt công ty đã chuyển sang hướng nghiên cứu và xây dựng các giải pháp về E-learning như: Click2Learn, Global Learning Systems, Smart Force... Năm 2002, thị trường này đạt 13,5 tỷ USD. Năm 2014, thị trường E-learning toàn cầu đạt 104 tỷ USD và dự đoán con số này có thể tăng lên đến 325 tỷ USD vào năm 2021 (theo thống kê của American Heart Association).

Tại Hàn Quốc, từ năm 1996, Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai chính sách ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục chia làm 3 giai đoạn với 3 mục tiêu rõ ràng. Giai đoạn 1 (1996-2000) được bắt đầu năm 1996 tập trung thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại cho bậc giáo dục tiểu học và trung học. Mục tiêu giai đoạn 2 (2001-2005) là nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách cho phép sử dụng thiết bị công nghệ truy cập nội dung giảng dạy và tổ chức đào tạo cho đội ngũ giảng viên cách kết hợp công nghệ thông tin và truyền thông và các hoạt động giảng dạy trong lớp học. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin giáo dục quốc gia cũng được thiết lập; đó là một mạng máy tính chủ được Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý để hỗ trợ việc quản lý điện tử các công tác hành chính có liên quan đến giáo dục. Giai đoạn 3 (2006-2010) tập trung tạo lập những môi trường học tập bền vững kết hợp cho e-learning và cho giáo dục trong tương lai thông qua các dịch vụ giáo dục linh hoạt và bảo đảm hơn như phát triển giáo trình kỹ thuật số. Riêng với bậc đào tạo đại học, từ năm 2010, Advanced College of

Education Initiative do Bộ Giáo dục và Đào tạo Hàn Quốc đảm nhận có trách nhiệm cung cấp quỹ và hỗ trợ các trường đại học trong việc cải thiện chất lượng đào tạo, chủ yếu là công nghệ và công cụ kỹ thuật số. Năm 2014, có tổng cộng 24 trường đại học được chọn để đầu tư với kinh phí là 57,3 tỷ Won.

Thực trạng phát triển mô hình E-learning ở Việt Nam

Từ năm 2002 trở về trước, các tài liệu nghiên cứu, tìm hiểu về E-learning ở Việt Nam không nhiều. Trong năm 2003-2004, việc nghiên cứu E-learning ở Việt Nam đã được nhiều đơn vị quan tâm hơn. Gần đây các hội nghị, hội thảo về công nghệ thông tin và giáo dục đều có đề cập nhiều về E-learning và khả năng áp dụng mô hình này vào môi trường đào tạo ở Việt Nam. Các trường đại học ở Việt Nam bước đầu nghiên cứu và triển khai E-learning, một số đơn vị đã bước đầu triển khai các phần mềm hỗ trợ đào tạo và đạt các kết quả khả quan.

Bên cạnh đó, Trung tâm Tin học thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai cổng E-learning nhằm cung cấp một cách có hệ thống các thông tin E-learning trên thế giới và ở Việt Nam. Việt Nam cũng đã gia nhập mạng E-learning châu Á (Asia E-learning Network – AEN, www.asialearning.net) với sự tham gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, trường Đại học Bách Khoa...

Hiện nay, khá nhiều trường đại học ở Việt Nam đã và đang bắt đầu xây dựng và mở rộng hình thức đào tạo trực tuyến với chuyên ngành đa dạng. Cụ thể, Trung tâm Đào tạo từ xa - Viện Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh - thành viên của Hiệp hội các trường đào tạo từ xa trên thế giới đến nay đã đào tạo hơn 20.000 sinh viên dưới hình thức đào tạo từ xa. Các chương trình này kế thừa phần lý thuyết của các tổ chức đào tạo từ xa có uy tín trên thế giới như: AAOU, ICDE, SEAMOLEC đồng thời bám sát với thực tiễn Việt Nam. Trung tâm Đào tạo từ xa - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với mô hình đào tạo trực tuyến NEU-EDUTOP, với nội dung học liệu đa dạng nhằm thiết kế theo mô hình 4H (Học viên - Hình ảnh - Hiệu quả - Hoạt động), đồng thời áp dụng đào tạo kết hợp giữa trực tuyến và ngoại tuyến phối hợp bởi các giảng viên chuyên môn và giảng viên doanh nghiệp uy tín. Trường Đại học Cần Thơ đã nghiên cứu và triển khai hệ thống E-learning Dokeos. Năm 2017, Trường Đại học Cần Thơ có khoảng 50.000 người dùng tham gia. Trong đó có gần 950 (trong số 1.200 giảng viên) đã tạo khóa học phục vụ cho công tác giảng dạy, chiếm tỷ lệ 78% số giảng viên toàn trường. Đại học Hoa Sen áp dụng đào tạo trực tuyến

từ năm 2014 và đã trải qua nhiều đợt nâng cấp. Theo đó, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin cho riêng hệ thống học tập trực tuyến, phòng studio quay phim chuyên nghiệp, ban hành các chính sách khuyến khích xây dựng học liệu số, đào tạo giảng viên xây dựng các khóa học E-learning... Điều này cho thấy, tình hình nghiên cứu và ứng dụng loại hình đào tạo này đã được quan tâm và hình thành ở Việt Nam từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, gần 10 năm qua, E-learning vẫn chỉ được xây dựng một cách riêng rẽ, chưa thực sự được xã hội hóa và nhân rộng lên ở nhiều bậc đào tạo như Hàn Quốc và Đài Loan đã và đang làm khá thành công. Một chính sách phát triển E-learning dành cho Việt Nam còn đang bị bỏ ngỏ.

Đề xuất phát triển mô hình E-learning ở Việt Nam

Sau khi tìm hiểu về chính sách E-learning của một số quốc gia trong khu vực châu Á đã được triển khai thành công cho bậc đại học như Hàn Quốc và Đài Loan, Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của các nước này và xây dựng một chính sách phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của nền giáo dục Việt Nam. Gợi ý của tác giả như sau:

Vai trò và nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Giai đoạn 1 (2020 – 2022):

- Xây dựng chương trình E-learning (sách giáo khoa điện tử, tranh ảnh, video clips, tài liệu giảng dạy điện tử dành cho giảng viên) cho một số môn học chính (Toán, tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa...) và thí điểm tại một số cơ sở giáo dục đại học (GDĐH).

- Xây dựng chương trình và tổ chức tập huấn kiến thức công nghệ thông tin và truyền thông (đặc biệt sử dụng tài liệu đa phương tiện trong hoạt động giảng dạy) cho đội ngũ giảng viên tại các cơ sở GDĐH thí điểm chương trình E-learning.

- Dự thảo kinh phí cải thiện cơ sở vật chất và tổ chức huấn luyện cho đội ngũ giảng viên.

- Xây dựng cơ sở tiêu chuẩn cho các chương trình E-learning.

- Xây dựng hành lang pháp lý và cơ chế hỗ trợ các cơ sở GDĐH tiên phong trong việc phát triển các chương trình E-learning bằng vốn ngân sách nhà nước.

Giai đoạn 2 (2022 – 2025)

- Kiểm tra và đánh giá chất lượng chương trình E-learning tại các cơ sở GDĐH được chọn thí điểm và xây dựng chương trình E-learning cho những môn học khác.

- Đánh giá và cải thiện chương trình tập huấn về kiến thức công nghệ thông tin và truyền thông cho

đội ngũ giảng viên và nhân viên cho toàn bộ cơ sở GDĐH và giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH tổ chức tập huấn.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật quy định dành cho các cơ sở GDĐH xây dựng mô hình E-learning. Hoàn thiện văn bản quy định về tiêu chuẩn cho các chương trình E-learning cấp quốc gia.

Giai đoạn 3 (từ 2025)

- Đánh giá và kiểm soát chất lượng của các chương trình E-learning tại tất cả các cơ sở GDĐH. Hoàn thiện một số chương trình E-learning đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Vai trò và trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp và hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề xuất kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng cho các cơ sở GDĐH để phát triển chương trình E-learning; Lập bảng dự trù kinh phí mua sắm thiết bị cũng như thiết kế các chương trình E-learning. Hỗ trợ thiết kế các chương trình quản trị và hỗ trợ E-learning.

- Phối hợp và hỗ trợ các cơ sở GDĐH: Tư vấn và hỗ trợ các cơ sở GDĐH nâng cao cơ sở vật chất phù hợp với chương trình E-learning; Nâng cấp đường truyền internet đến các cơ sở GDĐH và đảm bảo an ninh mạng.

Vai trò của các bộ, ngành có liên quan

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Hỗ trợ phát triển nội dung E-learning cho các chương trình học liên quan đến văn hóa.

- Bộ Giao thông Vận tải: Hỗ trợ phát triển nội dung E-learning cho các chương trình học liên quan đến phát triển giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không...

Vai trò của các cơ sở giáo dục đại học

Các cơ sở GDĐH tham gia thí điểm chương trình E-learning: Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các chương trình E-learning thí điểm; Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trong việc phát triển và cải cách nội dung các chương trình E-learning thí điểm; Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động để được hỗ trợ kịp thời. Hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm cho các cơ sở GDĐH khác.

- Các cơ sở GDĐH còn lại: Đề xuất nội dung chương trình E-learning cho các môn học bậc đại học. Cử giảng viên tham gia các khóa huấn luyện của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức huấn luyện lại cho giảng viên nhân viên; Thực thi và chấp hành những quy định pháp lý về tổ chức E-learning; Đảm bảo chất lượng các chương trình E-learning đúng tiêu chuẩn quốc gia. Thí điểm và báo cáo tình hình hoạt động của các chương trình E-learning.

Kết luận

Trong lộ trình đổi mới, hội nhập với GDĐH quốc tế, xây dựng một hệ thống E-learning đồng bộ cho nền giáo dục nói chung và bậc đại học nói riêng ở Việt Nam là việc làm cấp thiết. Đó là một quá trình dài hơi cần sự quyết tâm và phối hợp của Chính phủ, nhiều bộ ngành và các cơ sở GDĐH. Không thể phủ nhận, trong quá trình hình thành và phát triển mô hình E-learning tại Việt Nam sẽ có những rào cản khó khăn nhất định nhưng những khó khăn đó không nên được xem là những “hòn đá” chắn đường làm trì trệ quá trình này. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập của người dân được nhiều quốc gia trong khu vực... xác định là yếu tố then chốt.

Điểm hạn chế của nghiên cứu này chưa thể cập nhật đầy đủ tình hình ứng dụng E-learning của các cơ sở GDĐH tại Việt Nam, cũng như tại các nước trong khu vực. Do đó, tác giả chỉ nêu ra một số trường đại học đã ứng dụng mà tác giả tìm được thông tin cập nhật và các chính sách đã được triển khai thành công trong khu vực như Hàn Quốc và Đài Loan.

Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 9/1/2013 phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy”;
2. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 phê duyệt đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”;
3. Lê Huy Hoàng, Lê Xuân Quang (2011), E-learning và ứng dụng trong dạy và học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
4. Phan Thu Trang (2018), E-learning tại Việt Nam và một số vấn đề cần quan tâm;
5. Trần Thanh Điện, Nguyễn Thái Nghe (2017), Các mô hình E-learning hỗ trợ dạy và học. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề: Công nghệ thông tin (2017), 103-111;
6. Trịnh Văn Biều (2012), Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning). Tạp chí Khoa học ĐHSP TP. Hồ Chí Minh;
7. Vũ Thị Hạnh (2013), Nghiên cứu hệ thống đào tạo E-learning và xây dựng thử nghiệm bài giảng điện tử theo chuẩn SCORM. Luận văn Thạc sĩ. Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Hà Nội;
8. Dae Joon Hwang, Hyw-Kyung Yang, Hyeonjin Kim (2010), E-learning in Korea. UNESCO Institute of Information Technologies in Education. Russia;
9. Horton, W., Horton, K., (2003), E-learning tools and technologies. Indianapolis: Wiley.

Thông tin tác giả:

Bùi Thị Tuyết Ngân, Trường Đại học Geneva
 TS. Trần Mai Đông, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
 Email: tmdong@ueh.edu.vn.